TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN YÊN KHÁNH
TỈNH NINH BÌNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 65 / 2019 / HS-ST
Ngày: 28 / 11 / 2019.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN KHÁNH, TỈNH NINH BÌNH

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Vũ Nhật Trung.

- Các Hội thẩm nhân dân: Ông Vũ Văn Chiến và ông Nguyễn Thế Anh.

- Thư ký ghi biên bản phiên toà: Ông Nguyễn Cao Cường - Thư ký Toà án nhân dân huyện Yên Khánh, tỉnh Ninh Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Khánh, tỉnh Ninh Bình tham gia phiên toà: Ông Phạm Xuân Đình - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 11 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Yên Khánh, tỉnh Ninh Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 69/ 2019/TLST-HS ngày 08 tháng 11 năm 2019, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 65/2019/ QĐXXST- HS ngày 14 tháng 11 năm 2019 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: Phạm Văn T - Sinh năm 1964; nơi sinh: Tại tỉnh Ninh Bình; nơi cư trú: Xóm 8, xã Khánh C, huyện Yên Khánh, tỉnh Ninh Bình; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hoá: 7/10; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Văn T và bà Trần Thị K (đều đã chết); có vợ: Chị Phạm Thị T và có 02 con, con lớn sinh năm 2008, con nhỏ sinh năm 2013.

Tiền án; tiền sự: Không

Bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn " Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú", có mặt.

2. Họ và tên: Phạm Văn T1 - Sinh năm 1984; nơi sinh: Tại tỉnh Ninh Bình; nơi cư trú: Xóm 11, xã Khánh C, huyện Yên Khánh, tỉnh Ninh Bình; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Văn G (đã chết) và bà Đỗ Thị L; có vợ: Chị Nguyễn Thị L và có 03 con, con lớn sinh năm 2009, con nhỏ sinh năm 2016.

Tiền án; tiền sự: Không

Bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn " Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú", có mặt.

3. Họ và tên: Vũ Văn T2 - Sinh năm 1980; nơi sinh: Tại tỉnh Ninh Bình; nơi cư trú: Thôn 5, xã Khánh T, huyện Yên Khánh, tỉnh Ninh Bình; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Vũ Văn T và bà Phạm Thị B; có vợ: Chị Bùi Thị Thu B và có 2 con, con lớn sinh năm 2004, con nhỏ sinh năm 2009.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn " Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú", có mặt.

4. Họ và tên: Nguyễn Xuân D - Sinh năm 1967; nơi sinh: Tại tỉnh Ninh Bình; nơi cư trú: Xóm 11, xã Khánh C, huyện Yên Khánh, tỉnh Ninh Bình; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hoá: 7/10; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn C và bà Phạm Thị M (đã chết); có vợ: Chị Nguyễn Thị H và có 02 con sinh năm 2005.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn " Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú", có mặt.

5. Họ và tên: Nguyễn Văn D1 - Sinh năm 1990; nơi sinh: Tại tỉnh Ninh Bình; nơi cư trú: Thôn 17, xã Khánh T, huyện Yên Khánh, tỉnh Ninh Bình; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hoá: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Công S (đã chết) và bà Phạm Thị M; có vợ: Chị Bùi Thị Thanh N và có 02 con, con lớn sinh năm 2011, con nhỏ sinh năm 2015.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn " Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú", có mặt.

Bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn " Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú", có mặt.

6. Họ và tên: Phạm Văn Th - Sinh năm 1986; nơi sinh: Tại tỉnh Ninh Bình; nơi cư trú: Xóm 11, xã Khánh C, huyện Yên Khánh, tỉnh Ninh Bình; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: 7/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Văn H và bà Phạm Thị B; có vợ: Chị Đỗ Thị Ngọc T, con chưa có.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn " Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú", có mặt.

7. Họ và tên: Nguyễn Văn Th1 - Sinh năm 1960; nơi sinh: Tại tỉnh Ninh Bình; nơi cư trú: Xóm 13, xã Khánh C, huyện Yên Khánh, tỉnh Ninh Bình; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: 9/10; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn B và bàT ống Thị M (đều

đã chết); có vợ: Chị Phạm Thị H (đã chết) và có 02 con, con lớn sinh năm 1983, con nhỏ sinh năm 1986.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn " Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú", có mặt.

8. Họ và tên: Phạm Thanh Y - Sinh năm 1970; nơi sinh: Tại tỉnh Ninh Bình; nơi cư trú: Xóm 11, xã Khánh C, huyện Yên Khánh, tỉnh Ninh Bình; nghề nghiệp: Cán bộ xã Khánh C - Là đảng viên, hiện đang bị đình chỉ sinh hoạt đảng; trình độ văn hoá: 7/10; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Thế K và bà Phạm Thị C (đều đã chết); có vợ: Chị Phạm Thị H và có 02 con, con lớn sinh năm 1993, con nhỏ sinh năm 2010.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn " Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú", có mặt.

9. Họ và tên: Phạm Xuân Th2 - Sinh năm 1965; nơi sinh: Tại tỉnh Ninh Bình; nơi cư trú: Xóm 12, xã Khánh C, huyện Yên Khánh, tỉnh Ninh Bình; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: 6/10; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Văn C và bà Phạm Thị H (đều đã chết); có vợ: Chị Phạm Thị T và có 01 con sinh năm 1995.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn " Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú", có mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Chị Phạm Thị T; sinh năm 1975; trú tại: Xóm 8, xã Khánh C, huyện Yên Khánh, tỉnh Ninh Bình, có mặt.

+ Chị Cù Thị T; sinh năm 1975; trú tại: Xóm 8, xã Khánh C, huyện Yên Khánh, tỉnh Ninh Bình, vắng mặt.

+ Anh Vũ Văn T; sinh năm 1976; trú tại: Thôn 5, xã Khánh T, huyện Yên Khánh, tỉnh Ninh Bình, vắng mặt.

- Người chứng kiến:

+ Anh Bùi Ngọc T; sinh năm 1971; trú tại: Xóm 8, xã Khánh C, huyện Yên Khánh, tỉnh Ninh Bình, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

1. Về hành vi đánh bạc trái phép dưới hình thức mua, bán "số lô" của Phạm Văn T1 và Phạm Văn T.

Phạm Văn T1 là em vợ của Phạm Văn T. Do biết T có bán trái phép các số lô, số đề nên từ ngày 15/8/2019 đến ngày 17/8/2019, Phạm Văn T1 đã sử dụng điện thoại di động có sim thuê bao số 09677052.. nhắn tin đến số thuê bao 09611467.. của Phạm Văn T mua các số "Lô Hà Nội" và "Lô xiên 3". Phạm Văn T đã đồng ý

bán và tự trả thưởng nếu T1 trúng thưởng. Đây là hình thức đánh bạc được thua bằng tiền dựa trên kết quả các giải xổ số kiến thiết Miền Bắc mở thưởng cùng ngày, cụ thể:

"Lô Hà Nội": Phạm Văn T1 tự chọn 02 chữ số; nếu trùng với 02 chữ số cuối của bất kỳ giải xổ số nào thì được Phạm Văn T trả thưởng theo tỷ lệ cứ 23.000 đồng tiền mua (gọi là 01 "điểm") được hưởng 80.000đồng/01 giải có số cuối trùng với số đã chọn;

"Lô xiên 3": Phạm Văn T1 tự chọn 03 số (mỗi số có 02 chữ số), nếu tất cả các số đã chọn đều trùng với 02 chữ số cuối của bất kỳ giải xổ số nào thì được Phạm Văn T trả thưởng gấp 40 lần tiền mua.

Hành vi mua, bán "số lô" của Phạm Văn T và Phạm Văn T1 như sau:

Ngày 15/8/2019: Phạm Văn T1 sử dụng điện thoại di động nhắn tin đến điện thoại di động của Phạm Văn T mua các số "Lô Hà Nội" 34, 43 mỗi số 2.300.000 đồng, số "Lô Hà Nội" 38 mua 1.150.000 đồng; "Lô xiên 3" (38, 43, 34) mua 100.000 đồng. Tổng tiền mua là 5.850.000 đồng.

Các "số lô" Phạm Văn T1 đã mua, có số "Lô Hà Nội" 38 trúng 01 giải được 4.000.000 đồng.

Tổng cộng tiền mua bán và trúng thưởng "số lô" giữa Phạm Văn T và Phạm Văn T1 ngày 15/8/2019 là **9.850.000 đồng**.

Ngày 16/8/2019: Phạm Văn T1 sử dụng điện thoại di động nhắn tin đến điện thoại di động của Phạm Văn T mua 07 số "Lô Hà Nội": 27, 72, 86, 34, 43, 78, 87 mỗi số 690.000 đồng. Tổng tiền mua là 4.830.000 đồng.

Các "số lô" Phạm Văn T1 đã mua, có số 34 trúng 01 giải được 2.400.000 đồng.

Tổng cộng tiền mua bán và trúng thưởng "số lô" giữa Phạm Văn T và Phạm Văn T1 ngày 16/8/2019 là **7.230.000 đồng**.

Ngày 17/8/2019: Phạm Văn T1 sử dụng điện thoại di động nhắn tin đến điện thoại di động của Phạm Văn T mua 02 số "Lô Hà Nội": 34, 43 mỗi số 1.150.000 đồng, tổng tiền mua là 2.300.000 đồng.

Các số lô Phạm Văn T1 đã mua, có số 43 trúng 01 giải được 4.000.000 đồng.

Tổng cộng tiền mua bán và trúng thưởng "số lô" giữa Phạm Văn T và Phạm Văn T1 ngày 17/8/2019 là **6.300.000 đồng**.

Về việc thanh toán tiền: Hàng ngày, sau khi có kết quả xổ số kiến thiết Miền Bắc, T và T1 đã đối chiếu kết quả, đối trừ tiền mua, tiền trúng thưởng nhưng chưa thanh toán tiền cho nhau.

Ngoài ra, ngày 18/8/2019 và ngày 20/8/2019, Phạm Văn T còn bán trái phép "số lô" cho Phạm Văn T1 với tổng số tiền mua bán và trúng thưởng "số lô" ngày 18/8/2019 là 2.450.000 đồng, ngày 20/8/2019 là 150.000 đồng.

Ngày 21/8/2019, Phạm Văn T1 bị Công an huyện Yên Khánh bắt quả tang về hành vi đánh bạc dưới hình thức đánh "Liêng" được thua bằng tiền, bị thu giữ điện thoại di động. Khi biết sự việc, Phạm Văn T đã ném chiếc điện thoại di động cùng sim thuê bao số 09611467.. xuống sông, cơ quan điều tra tiến hành truy tìm nhưng không thu giữ được.

Quá trình điều tra, Phạm Văn T và Vũ Văn T2 (là bị can trong vụ án) khai trước đó T có bán trái phép số lô, số đề cho T2 nhưng không nhớ cụ thể ngày, số lô, số đề đã mua bán với nhau. Do vậy, không có căn cứ xử lý.

2. Hành vi đánh bạc dưới hình thức đánh "Liêng" được thua bằng tiền của Phạm Văn T1, Nguyễn Xuân D, Vũ Văn T2, Nguyễn Văn D1, Phạm Văn Th, Nguyễn Văn Th1, Phạm Xuân Th2, Phạm Thanh Y

Khoảng 14 giờ 30 ngày 21/8/2019, Phạm Văn T1, Nguyễn Xuân D, Vũ Văn T2, Nguyễn Văn D1, Phạm Văn Th đến nhà Phạm Văn T (vợ là chị Phạm Thị T, sinh năm 1975, chị gái của T1) ở xóm 8, xã Khánh C, huyện Yên Khánh chơi. Lúc này, T và chị T đều không có nhà. T2 lấy 01 bộ bài Tú lơ khơ có sẵn ở nhà T rủ mọi người đánh bạc, tất cả đều đồng ý. Sau đó, T1, T2, D, D1, Th ngồi tại gian buồng nhà T cùng nhau đánh bạc dưới hình thức đánh "Liêng" được thua bằng tiền, mỗi ván chầu "gà" 20.000 đồng, "tố" cao nhất 200.000 đồng. Sau đó, có Nguyễn Văn Th1, Phạm Thanh Y, Phạm Xuân Th2 cũng lần lượt đến và vào tham gia đánh bạc cùng. Quá trình đánh bạc, các bị can đã tự bỏ ra 90.000 đồng từ số tiền đánh bạc để vào 01 chiếc cóng kim loại, mục đích để đưa cho chủ nhà.

Vào hồi 16 giờ 30 phút cùng ngày, khi Phạm Văn T1, Nguyễn Xuân D, Vũ Văn T2, Nguyễn Văn D1, Phạm Văn Th, Nguyễn Văn Th1, Phạm Xuân Th2, Phạm Thanh Y đang cùng nhau đánh bạc thì bị tổ công tác của Công an huyện Yên Khánh phát hiện, bắt quả tang, thu giữ tại chiếu bạc 1.300.000 đồng và 01 bộ bài Tú lơ khơ; thu giữ tại chiếc cóng kim loại bên cạnh chiếu bạc 90.000 đồng; thu giữ trên người Nguyễn Xuân D 17.000.000 đồng, Nguyễn Văn D1 6.410.000 đồng, Nguyễn Văn Th1 1.950.000 đồng, Phạm Văn Th 700.000 đồng, Phạm Thanh Y 210.000 đồng. Ngoài ra, tổ công tác còn thu giữ của các bị cáo 08 chiếc điện thoại di động các loại, trong đó có 01 điện thoại di động OPPO A37F lắp sim thuê bao số 09677052.. của Phạm Văn T1 và 01 điện thoại di động OPPO F1S lắp sim thuê bao số 09747631.. của Vũ Văn T2.

Kết quả điều tra xác định, tổng số tiền Phạm Văn 1, Nguyễn Xuân D, Vũ Văn T2, Nguyễn Văn D1, Phạm Văn Th, Nguyễn Văn Th1, Phạm Xuân Th2, Phạm Thanh Y dùng vào đánh bạc là 6.630.000 đồng, gồm: 1.300.000 đồng thu tại chiếu bạc, 90.000 đồng thu trong cóng kim loại, 210.000 đồng thu trên người Phạm Thanh Y, 920.000 đồng thu trên người Nguyễn Văn Th1, 1.410.000 đồng thu trên người Nguyễn Văn D1, 2.000.000 đồng thu trên người Nguyễn Xuân D và 700.000 đồng thu trên người Phạm Văn Th.

Phạm Văn T và chị Phạm Thị T không biết, không đồng ý cho các bị cáo đánh bạc tại nhà mình. Việc các bị cáo bỏ ra 90.000 đồng định đưa cho chủ nhà sau khi đánh bạc là tự ý, bị cáo T và chị T không yêu cầu, thỏa thuận gì trước với các bị cáo về việc này.

Quá trình điều tra, Phạm Văn T, Phạm Văn T1, Nguyễn Xuân D, Vũ Văn T2, Nguyễn Văn D1, Phạm Văn Th, Nguyễn Văn Th1, Phạm Xuân Th2, Phạm Thanh Y thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội của mình như trên.

Về vật chứng và tài sản thu giữ: Chuyển cho Chi cục thi hành án dân sự huyện Yên Khánh quản lý các vật chứng gồm: 01 bộ bài Tú lơ khơ 52 quân; 01 điện thoại

di động OPPO A37F lắp sim thuê bao số 09677052.. của Phạm Văn T1, 01 điện thoại di động OPPO F1S lắp sim thuê bao số 09747631.. của Vũ Văn T2, 01 điện thoại di động Samsung J7 Pro lắp sim thuê bao số 03550895.. của Phạm Thanh Y, 01 điện thoại di động Iphone 6 (vỏ màu vàng) lắp sim thuê bao số 09832329.. của Nguyễn Văn Th1, 01 điện thoại di động Iphone 6 (vỏ màu ghi) lắp sim thuê bao số 08656305.. của Nguyễn Văn D1, 01 điện thoại di động Oppo AF9 lắp 02 sim thuê bao số 09854925.. và 03549976.. của Nguyễn Xuân D, 01 điện thoại di động Redmi A6 lắp sim thuê bao số 08682160.. của Phạm Xuân Th2, 01 điện thoại di động Samsung J7 Pro lắp sim thuê bao số 09618683.. của Phạm Văn Th và tổng số tiền 27.660.000 đồng (trong đó có 6.630.000 đồng các bị cáo dùng vào đánh bạc bằng hình thức đánh "Liêng"; 15.000.000 đồng của Nguyễn Xuân D, 5.000.000 đồng của Nguyễn Văn D1, 1.030.000 đồng của Nguyễn Văn Th1 không dùng vào đánh bạc).

Tại bản cáo trạng số: 69/CT-VKSK, ngày 05 tháng 11 năm 2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Khánh, tỉnh Ninh Bình đã truy tố các bị cáo Phạm Văn T, Phạm Văn T1, Nguyễn Xuân D, Vũ Văn T2, Nguyễn Văn D1, Phạm Văn Th, Nguyễn Văn Th1, Phạm Xuân Th2, Phạm Thanh Y để xét xử về tội " Đánh bạc" quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự.

Tại cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa hôm nay, các bị cáo đều khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của các bị cáo, đúng như nội dung bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Khánh đã truy tố và thừa nhận bản cáo trạng truy tố về tội đánh bạc là đúng người đúng tội.

Tại phiên toà Kiểm sát viên tham gia phiên tòa trình bày lời luận tội, sau khi phân tích đánh giá tính chất, mức độ hành vi phạm tội, nhân thân của các bị cáo và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đã giữ nguyên quan điểm như đã truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Tuyên bố các bị cáo Phạm Văn T, Phạm Văn T1, Nguyễn Xuân D, Vũ Văn T2, Nguyễn Văn D1, Phạm Văn Th, Nguyễn Văn Th1, Phạm Xuân Th2, Phạm Thanh Y phạm tội " Đánh bạc".

- Căn cứ khoản 1 và khoản 3 Điều 321; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Phạm Văn T và Phạm Văn T1. Riêng bị cáo T áp dụng thêm khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

- Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 35 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Nguyễn Xuân D, Vũ Văn T2, Nguyễn Văn D1, Phạm Văn Th, Nguyễn Văn Th1, Phạm Xuân Th2, Phạm Thanh Y.

Xử phạt:

+ Bị cáo Phạm Văn T và Phạm Văn T1 mỗi bị cáo với mức án từ 6 tháng đến 9 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt các bị cáo đi thi hành án. Phạt bổ sung mỗi bị cáo từ 12.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng để sung ngân sách Nhà nước.

+ Phạt tiền bị cáo Vũ Văn T2 từ 27.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng để sung ngân sách Nhà nước.

+ Phạt tiền các bị cáo Nguyễn Xuân D, Nguyễn Văn D1, mỗi bị cáo từ 25.000.000 đồng đến 27.000.000 đồng để sung ngân sách Nhà nước.

+ Phạt tiền các bị cáo Phạm Văn Th, Nguyễn Văn Th1, mỗi bị cáo từ 23.000.000 đồng đến 25.000.000 đồng để sung ngân sách Nhà nước.

+ Phạt tiền các bị cáo Phạm Thanh Y, Phạm Xuân Th2, mỗi bị cáo từ 20.000.000 đồng đến 23.000.000 đồng để sung ngân sách Nhà nước.

- Căn cứ Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự và Điều 47 Bộ luật hình sự:

+ Tịch thu sung ngân sách Nhà nước 01 điện thoại di động OPPO A37F thu giữ của bị cáo Phạm Văn T1 là vật chứng của vụ án.

+ Tịch thu tiêu hủy 01 chiếc sim điện thoại di động được lắp theo máy gồm: Số thuê bao 09677052.. là vật chứng của vụ án và 01 bộ bài tú lơ khơ 52 quân, 01 chiếc cóng (tiêu hủy theo đề nghị của bị cáo T và chị T) do không có giá trị sử dụng.

+ Tịch thu sung ngân sách Nhà nước số tiền 6.630.000 đồng mà các bị cáo đã sử dụng để đánh bạc (đánh Liêng) đã được thu giữ.

+ Buộc bị cáo Phạm Văn T và Phạm Văn T1 phải nộp lại tổng số tiền để thu sung ngân sách Nhà nước là 23.380.000 đồng; cụ thể gồm: T phải nộp lại là 10.400.000 đồng; T1 phải nộp lại là 12.980.000 đồng mà các bị cáo đã sử dụng để đánh bạc (đánh lô, đề).

+ Trả lại số tiền cho các bị cáo gồm: Nguyễn Xuân D là 15.000.000 đồng; Nguyễn Văn D1 là 5.000.000 đồng và Nguyễn Văn Th1 số tiền 1.030.000 đồng. Nhưng tiếp tục quản lý để đảm bảo thi hành án.

+ Trả lại cho các bị cáo 07 chiếc điện thoại đã thu giữ thuộc sử hữu hợp pháp của các bị cáo, do không liên quan đến vụ án. Nhưng tiếp tục quản lý để đảm bảo thi hành án.

Các bị cáo không có ý kiến bào chữa, tranh luận gì, đều nhận thấy hành vi phạm tội là đúng nên xin Hội đồng xét xử cho các bị cáo được hưởng mức án thấp nhất để tạo điều kiện sửa chữa lỗi lầm đối với bản thân các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, Quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra công an huyện Yên Khánh, điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Khánh, kiểm sát viên trong quá trình điều tra truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục được quy định trong Bộ luật tố tụng hình sự; trong quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo, người liên quan không có ý kiến khiếu nại về hành vi, Quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do vậy các hành vi, quyết định tố tụng của các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Lời khai tại phiên tòa của Phạm Văn T và Phạm Văn T1 về hành vi mua, bán trái phép các số lô, số đề từ ngày 15 đến 17/8/2019: T1 là em vợ của T nên biết

T có bán số lô, số đề trái phép, do đó T1 sử dụng số điện thoại 09677052.. của mình nhắn tin cho T số điện thoại 09611467.. để mua các cặp số lô, số đề của T và đối chiếu khi có kết quả mở thưởng xổ số cùng ngày, nếu trúng thưởng thì T tự trả thưởng cho T1: Ngày 15/8/2019 T1 nhắn tin cho T mua các cặp số lô, số đề với tiền là 5.850.000 đồng và đã trúng thưởng số tiền là 4.000.000 đồng; ngày 16/8/2019 T1 mua với số tiền là 4.830.000 đồng và đã trúng thưởng số tiền là 2.400.000 đồng; ngày 17/8/2019 T1 mua với số tiền là 2.300.000 đồng và đã trúng thưởng số tiền là 4.000.000 đồng. Tổng số tiền T1 và T sử dụng để đánh bạc là 23.380.000 đồng, số tiền này T1 và T chưa thanh toán cho nhau. Ngoài hành vi đánh bạc bằng hình thức mua số lô, số đề ra T1 còn tham gia đánh bạc bằng hình thức đánh liêng tại nhà của vợ chồng T vào ngày 21/8/2019, cùng với Nguyễn Xuân D, Vũ Văn T2, Nguyễn Văn D1, Phạm Văn Th, Nguyễn Văn Th1, Phạm Xuân Th2, Phạm Thanh Y. Các bị cáo khai nhận, T2 là người khởi xướng việc đánh bạc với mức đặt gà 20.000 đồng và tố cao nhất 200.000 đồng, các bị cáo đánh bạc từ 14 giờ 30 phút đến 16 giờ 35 phút cùng ngày thì bị Công an huyện Yên Khánh phát hiện, bắt quả tang, thu giữ tại chiếu bạc số tiền 1.300.000 đồng và 01 bộ bài Tú lơ khơ; thu giữ tại chiếc cóng kim loại bên cạnh chiếu bạc trong có 90.000 đồng; thu giữ trên người D 17.000.000 đồng, D1 6.410.000 đồng, Nguyễn Văn Th1 1.950.000 đồng, Th 700.000 đồng, Y 210.000 đồng. Ngoài ra còn thu giữ của các bị cáo 08 chiếc điện thoại di động các loại. Tổng số tiền các bị cáo sử dụng vào đánh bạc ngày 21/8/2019 là 6.630.000 đồng. Xét lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra và biên bản sự việc lập ngày 21/8/2019, lời khai của người làm chứng, phù hợp với vật chứng đã thu giữ và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án. Như vậy có đủ cơ sở kết luận: Các bị cáo Phạm Văn T, Phạm Văn T1, Nguyễn Xuân D, Vũ Văn T2, Nguyễn Văn D1, Phạm Văn Th, Nguyễn Văn Th1, Phạm Xuân Th2, Phạm Thanh Y đã thực hiện hành vi đánh bạc.

[3] Hành vi của các bị cáo đã trực tiếp xâm phạm đến trật tự công cộng được pháp luật bảo vệ. Các bị cáo có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, biết rõ việc đánh bạc, được thua bằng tiền là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện.

[4] Đối chiếu với quy định của pháp luật hình sự thấy hành vi, tội danh và điều khoản áp dụng tại bản cáo trạng, lời luận tội, các chứng cứ buộc tội các bị cáo như Kiểm sát viên trình bày tại phiên tòa là có căn cứ. Căn cứ vào hành vi và số tiền mà bị cáo T, T1 đánh bạc trong các ngày 15,16,17 tháng 8 năm 2019 và số tiền của các bị cáo đánh bạc vào ngày 21/8/2019 thì hành vi của các bị cáo đã phạm tội đánh bạc, được quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự.

Nội dung Điều 321 tội đánh bạc của Bộ luật hình sự quy định:

"1. Người nào đánh bạc trái phép dưới bất kỳ hình thức nào được thua bằng tiền hay hiện vật trị giá từ 5.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng nhưng đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi này hoặc hành vi quy định tại Điều 322 của Bộ luật này hoặc đã bị kết án về tội này hoặc tội quy định tại Điều 322 của Bộ luật này, chưa được xoá án tích mà còn vi phạm, thì bị phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.

2....

3. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng".

[5] Đánh giá tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Hành vi phạm tội của các bị cáo đã xâm hại đến khách thể được Luật hình sự bảo vệ, gây ảnh hưởng xấu đến trật tự an toàn xã hội ở địa phương. Do đó cần có hình phạt tương xứng với hành vi phạm tội cho mỗi bị cáo để giáo dục, cải tạo các bị cáo và có tác dụng đấu tranh phòng ngừa chung. Trong vụ án này về hành vi mua bán số lô, số đề thì T là người chủ số lô, số đề, nhận và tự trả thưởng nên T là người giữ vai trò đầu, đối với T1 ngoài việc mua các số lô, số đề ra bị cáo còn tham gia đánh bạc trong ngày 21/8/2019, do đó bị cáo T và T1 đánh bạc từ 2 lần trở lên là phạm tội nhiều lần nên về trách nhiệm hình sự phải chịu của T, T1 là ngang nhau và nghiêm khắc hơn so với các bị cáo khác trong vụ án. Đối với bị cáo T2 là người khởi xướng, lấy bộ bài có sẵn để chia cho các bị cáo đánh bạc nên về trách nhiện hình sự của bị cáo thấp hơn T1 và cao hơn các bị cáo khác; còn đối với các bị cáo D, D1đánh bạc từ đầu nên trách nhiệm hình sự cao hơn Th, Th1, còn Y và Phạm Xuân Th2 vào tham gia sau nên về trách nhiệm hình sự là thấp hơn bị cáo Th, Th1 là phù hợp với hành vi của mỗi bị cáo.

[6] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

- Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Riêng đối với bị cáo T và T1 đã thực hiện hành vi đánh bạc nhiều lần lên nên phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là phạm tội 02 lần trở lên theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

- Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Các bị cáo T, T1, D, T2, D1, Th,Th1, Y và Phạm Xuân Th2 đều có tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự "Người phạm tội thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải" quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Các bị cáo D, T2, D1, Th, Th1, Y và Phạm Xuân Th2 có thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự "Phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng" quy định tại điểm i khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Bị cáo T có mẹ đẻ là người có công được tặng thưởng Huy chương kháng chiến hạng nhì và bị cáo có thời gian phục vụ quân đội có xác nhận của chính quyền địa phương nên bị cáo được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[7] Về nhân thân: Các bị cáo T, T1, D, T2, D1, Th,Th1, Y và Phạm Xuân Th2 không có tiền án, tiền sự và có nơi cư trú rõ ràng.

[8] Căn cứ quy định của Bộ luật hình sự cân nhắc tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân và tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo, Hội đồng xét xử thấy đối với bị cáo T là người giữ vai trò đầu, T và T1 đã phạm tội nhiều lần, do vậy cần phải cách ly cả hai bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian đủ để giáo dục, cải tạo các bị cáo trở thành công dân tốt cho gia đình và xã hội. Đối với bị cáo D, T2, D1, Th,Th1, Y và Phạm Xuân Th2 không có tiền án, tiền sự, có nơi cư trú rõ ràng và phạm tội lần đầu, thuộc

trường hợp ít nghiêm trọng nên chỉ cần áp dụng hình phạt chính bằng phạt tiền là phù hợp với tính chất hành vi của mỗi bị cáo.

Ngoài hình phạt chính cần áp dụng hình phạt bổ sung bằng tiền đối với bị cáo Tĩnh và Tấn là phù hợp với quy định tại khoản 3 Điều 321 Bộ luật hình sự. Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo D, T2, D1, Th,Th1, Y và Phạm Xuân Th2 vì các bị cáo đã được áp dụng hình phạt chính bằng tiền.

Ngoài ra, ngày 18/8/2019 và ngày 20/8/2019, Phạm Văn T còn bán trái phép "số lô" cho Phạm Văn T1 với tổng số tiền mua bán và trúng thưởng đều dưới 5.000.000 đồng, hành vi này đã bị xử lý hành chính là phù hợp. Trong quá trình điều tra, Phạm Văn T và Vũ Văn T2 (là bị cáo trong vụ án) khai trước đó T có bán trái phép số lô, số đề cho T2 nhưng không nhớ cụ thể ngày, số lô, số đề đã mua, bán với nhau. Do vậy, không có căn cứ xử lý.

Việc các bị cáo đánh bạc tại nhà của Phạm Văn T và chị Phạm Thị T ngày 21/8/2019 do T và chị T đi vắng không biết và không đồng ý cho các bị cáo đánh bạc tại nhà mình. Việc các bị cáo bỏ ra 90.000 đồng định đưa cho chủ nhà sau khi đánh bạc là tự ý, bị cáo T và chị T không yêu cầu, do vậy không đặt ra xem xét xử lý.

[9] Về các biện pháp tư pháp và xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự và Điều 47 Bộ luật hình sự.

+ Đối với 01 điện thoại di động OPPO A37F vỏ mầu vàng có số IMEI 1: 8644420335428619 ; IMEI 2. 8644420335428611 thu giữ của bị cáo Phạm Văn T1 là vật chứng của vụ án cần tịch thu sung ngân sách Nhà nước.

+ Về 01 chiếc sim điện thoại di động được lắp theo máy OPPO A37F có số thuê bao 09677052.. là vật chứng của vụ án do không có giá trị sử dụng cần tiêu hủy. Về 01 bộ bài tú lơ khơ 52 quân, 01 chiếc cóng kim loại tại phiên tòa bị cáo T và chị T không có nhu cầu lấy lại và đề nghị tịch thu tiêu hủy.

+ Về số tiền 6.630.000 đồng mà các bị cáo đã sử dụng để đánh bạc (đánh Liêng) đã được thu giữ cần tịch thu sung ngân sách Nhà nước.

+ Cần buộc bị cáo Phạm Văn T và Phạm Văn T1 phải nộp lại tổng số tiền là 23.380.000 đồng; cụ thể gồm: T phải nộp lại là 10.400.000 đông; T1 phải nộp lại là 12.980.000 đồng là khoản tiền các bị cáo sử dụng để đánh bạc (số lô, số đề) để sung ngân sách Nhà nước.

+ Cần trả lại số tiền cho các bị cáo do không liên quan đến vụ án gồm: Nguyễn Xuân D là 15.000.000 đồng; Nguyễn Văn D1 là 5.000.000 đồng và Nguyễn Văn Th1 số tiền 1.030.000 đồng. Nhưng tiếp tục quản lý để đảm bảo thi hành án.

+ Cần trả lại cho các bị cáo 07 chiếc điện thoại đã thu giữ thuộc sử hữu hợp pháp của các bị cáo, do không liên quan đến vụ án. Nhưng tiếp tục quản lý để đảm bảo thi hành án gồm: Vũ Văn T2 01 điện thoại di động OPPO F1S lắp sim thuê bao số 09747631..; Phạm Thanh Y 01 điện thoại di động Samsung J7 Pro lắp sim thuê bao số 03550895..; Nguyễn Xuân D 01 điện thoại di động Oppo AF9 lắp 02 sim thuê bao số 09854925.. và 03549976..; Nguyễn Văn Th1 01 điện thoại di động Iphone 6 (vỏ màu vàng) lắp sim thuê bao số 09832329..; Nguyễn Văn D1 01 điện

thoại di động Iphone 6 (vỏ màu ghi) lắp sim thuê bao số 08656305..; Phạm Xuân Th2 01 điện thoại di động Redmi A6 lắp sim thuê bao số 08682160..; Phạm Văn Th 01 điện thoại di động Samsung J7 Pro lắp sim thuê bao số 09618683...

Đối với chiếc điện thoại mà T sử dụng mua bán số lô, số đề cho T1, sau khi biết T1 bị bắt thì T đã nén chiếc điện thoại này xuống sông gần nhà T, Cơ quan điều tra đã truy tìm nhưng không thu giữa được.

[10] Về án phí: Các bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/6/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[11] Các bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

1.Tuyên bố các bị cáo: Phạm Văn T, Phạm Văn T1, Nguyễn Xuân D, Vũ Văn T2, Nguyễn Văn D1, Phạm Văn Th, Nguyễn Văn Th1, Phạm Xuân Th2, Phạm Thanh Y phạm tội " Đánh bạc".

- Căn cứ khoản 1 và khoản 3 Điều 321; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Phạm Văn T và Phạm Văn T1. Riêng bị cáo T áp dụng thêm khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

- Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 35 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Nguyễn Xuân D, Vũ Văn T2, Nguyễn Văn D1, Phạm Văn Th, Nguyễn Văn Th1, Phạm Xuân Th2, Phạm Thanh Y.

Xử phạt:

+ Bị cáo Phạm Văn T và Phạm Văn T1 mỗi bị cáo 09 (chín) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo đi thi hành án. Phạt bổ sung mỗi bị cáo 12.000.000 đồng (mười hai triệu đồng) để sung quỹ Nhà nước.

+ Phạt tiền bị cáo Vũ Văn T2 27.000.000 đồng (hai mươi bẩy triệu đồng) để sung quỹ Nhà nước.

+ Phạt tiền bị cáo Nguyễn Xuân D và Nguyễn Văn D1 mỗi bị cáo 25.000.000 đồng (hai mươi lăm triệu đồng) để sung quỹ Nhà nước.

+ Phạt tiền bị cáo Phạm Văn Th và Nguyễn Văn Th1 mỗi bị cáo 23.000.000 đồng (hai mươi ba triệu đồng) để sung quỹ Nhà nước.

+ Phạt tiền bị cáo Phạm Xuân Th2 và Phạm Thanh Y mỗi bị cáo 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng) để sung quỹ Nhà nước.

2. Về các biện pháp tư pháp và xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự và Điều 47 Bộ luật hình sự.

+ Tịch thu sung ngân sách Nhà nước 01 điện thoại di động OPPO A37F vỏ mầu vàngcó số IMEI 1: 8644420335428619 ; IMEI 2. 8644420335428611 thu giữ của bị cáo Phạm Văn T1 là vật chứng của vụ án.

+ Tịch thu sung ngân sách Nhà nước số tiền số tiền 6.630.000 đồng (sáu triệu sấu trăm ba mươi nghìn đồng) đã thu giữ của các bị cáo sử dụng vào đánh bạc (đánh Liêng).

+ Tịch thu tiêu hủy 01 chiếc sim điện thoại di động được lắp theo máy OPPO A37F có số thuê bao 09677052.. là vật chứng của vụ án và 01 bộ bài tú lơ khơ 52 quân, 01 chiếc cóng kim loại do không có giá trị sử dụng.

+ Buộc bị cáo Phạm Văn T và Phạm Văn T1 phải nộp lại tổng số tiền tổng là 23.380.000 đồng để sung ngân sách Nhà nước; cụ thể gồm: Phạm Văn T phải nộp là 10.400.000 đồng (mười triệu bốn trăm nghìn đồng); Phạm Văn T1 phải nộp là 12.980.000 đồng (mười hai triệu chín trăm tám mươi nghìn đồng) là khoản tiền các bị cáo sử dụng để đánh bạc (số lô, số đề).

+ Trả lại cho bị cáo Nguyễn Xuân D số tiền là 15.000.000 đồng (mười lăm triệu đồng) đã thu giữ thuộc sở hữu hợp pháp của bị cáo, do không liên quan đến vụ án. Nhưng tiếp tục quản lý để đảm bảo thi hành án.

+ Trả lại cho bị cáo Nguyễn Văn D1 số tiền là 5.000.000 đồng (năm triệu đồng) đã thu giữ thuộc sở hữu hợp pháp của bị cáo, do không liên quan đến vụ án. Nhưng tiếp tục quản lý để đảm bảo thi hành án.

+ Trả lại cho bị cáo Nguyễn Văn Th1 số tiền là 1.030.000 đồng (một triệu không trăm ba mươi nghìn đồng) đã thu giữ thuộc sở hữu hợp pháp của bị cáo, do không liên quan đến vụ án. Nhưng tiếp tục quản lý để đảm bảo thi hành án.

+ Trả lại cho các bị cáo 07 chiếc điện thoại thuộc sở hữu hợp pháp của các bị cáo, do không liên quan đến vụ án. Nhưng tiếp tục quản lý để đảm bảo thi hành án gồm:

- Vũ Văn T2 01 điện thoại di động OPPO F1S vỏ màu vàng lắp sim thuê bao số 09747631..; có số IMEI I.863632032032014637; IMEI II. 863632032032014629.

- Nguyễn Xuân D 01 điện thoại di động Oppo AF9 vỏ màu đen lắp 02 sim thuê bao số 09854925.. và 03549976..; có số IMEI I. 866376040858877; IMEI II. 866376040858869.

- Phạm Thanh Y 01 điện thoại di động Samsung J7 Pro vỏ màu vàng lắp sim thuê bao số 03550895..; có số IMEI I.353317095972056; IMEI II. 353317095972054.

- Nguyễn Văn Th1 01 điện thoại di động Iphone 6 vỏ màu vàng lắp sim thuê bao số 09832329..; có số IMEI I.354433066561346,

- Nguyễn Văn D1 01 điện thoại di động Iphone 6 vỏ màu ghi lắp sim thuê bao số 08656305..; có số IMEI I.352024079419325,

- Phạm Xuân Th2 01 điện thoại di động Redmi A6 vỏ màu vàng lắp số thuê bao số 08682160..; có số IMEI I.86625048073324; IMEI II. 86625048073332.

- Phạm Văn Th 01 điện thoại di động Samsung J7 Pro vỏ màu đen lắp số thuê bao số 09618683..; có số IMEI I.353317094271161; IMEI II. 353318094271161.

Số tiền và vật chứng trên Công an huyện Yên Khánh đã chuyển cho Chi cục thi hành án dân sự huyện Yên Khánh theo giấy " Uỷ nhiệm chi" số 69 ngày 28/11/2019 tại Kho bạc Nhà nước huyện Yên Khánh và vật chứng có đặc điểm như

mô tả tại biên bản giao nhận vật chứng ngày 27 /11/2019 giữa Công an huyện Yên Khánh và Chi cục thi hành án dân sự huyện Yên Khánh, tỉnh Ninh Bình.

3. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự và Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án. Buộc các bị cáo Phạm Văn T, Phạm Văn T1, Nguyễn Xuân D, Vũ Văn T2, Nguyễn Văn D1, Phạm Văn Th, Nguyễn Văn Th1, Phạm Xuân Th2, Phạm Thanh Y, mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm để sung quỹ Nhà nước.

Án xử công khai sơ thẩm các bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án Dân sự thì người được thi hành án Dân sự, người phải thi hành án Dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án Dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án Dân sự./

***Nơi nhận*:**
- TAND tỉnh Ninh Bình;
- VKSND tỉnh Ninh Bình;
- VKSND huyện Yên Khánh;
- Cơ quan CSĐT.CA huyện Yên Khánh;
- Cơ quan THAHS huyện Yên Khánh;
- Chi cục THADS huyện Yên Khánh;
- Các bị cáo; Người CQLNVLQ.
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Vũ Nhật Trung.